

Số: 468 /TB-ĐHTĐ

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**TUYỂN SINH HỆ ĐẠI HỌC NĂM 2026**

Trường Đại học Thành Đông thông báo tuyển sinh hệ đại học năm 2026, cụ thể như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 1.810

2. Các ngành đào tạo

TT	Mã ngành	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Mã chuyên ngành	Khối xét tuyển
I	<b>Tất cả thí sinh trúng tuyển 16 ngành ưu tiên được cấp học bổng từ 22 - 48 triệu đồng/khóa học</b>			
1	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, gồm các chuyên ngành: - Kỹ thuật cơ điện tử - Kỹ thuật Robot	501 502	A00, A01, A07, C03 C04, C14, D01, D09
2	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, gồm các chuyên ngành: - Tự động hóa - Kỹ thuật điều khiển - Thiết kế vi mạch bán dẫn	601 602 603	A00, A01, A07, C03 C04, C14, D01, D09
3	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, gồm các chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật điện - Công nghệ kỹ thuật điện tử	121 122	A00, A01, A07, C03 C04, C14, D01, D09
4	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí, gồm các chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Tự động hoá thiết kế công nghệ cơ khí - Công nghệ hàn	131 132 133	A00, A01, A07, B02, C04, D10, X06, X07
5	7480201	Công nghệ thông tin, gồm các chuyên ngành: - Công nghệ phần mềm - Mạng máy tính và truyền thông	701 702	A00, A01, D01, X01 D07, D08, D10, D90
6	7480107	Trí tuệ nhân tạo		A00, A01, D01, X01 D07, D08, D10, D90
7	7510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng		A00, A01, C04, A03 C09, C01, X06, X21
8	7340116	Bất động sản		A04, A06, A07, B02 C04, D10, X01, X21
9	7340101	Quản trị kinh doanh, gồm các chuyên ngành: - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị kinh doanh số	801 802	A00, A01, C01, C02; C03, C04, D01, D07



TT	Mã ngành	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Mã chuyên ngành	Khối xét tuyển
10	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		A01, C03, C04, D01, D14, D15, D66, X01
11	7810201	Quản trị khách sạn		A01, C03, C04, D01, D14, D15, D66, X01
12	7380101	Luật		A00, A01, A09, C00 C19, C20, D01, D14
13	7340122	Thương mại điện tử		A00, A01, C01, C02; C03, C04, D01, D07
14	7440221	Biến đổi khí hậu		A06, B02, C02, C04 D10, D15, X01, X21
15	7220201	Ngôn ngữ Anh, gồm các chuyên ngành: - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh du lịch và khách sạn - Anh - Trung	201 202 203 204	A01, D01, D07, D09, D10, D14, D15, X78
16	7580108	Thiết kế nội thất (dự kiến tuyển sinh từ tháng 8/2026)		A00, A03, A04, C01, C04, X21, V00, V01
<b>II</b>	<b>30% thí sinh trúng tuyển điểm cao trong xét tuyển của 13 ngành được cấp học bổng từ 22 - 100 triệu đồng/khóa</b>			
1	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô, gồm các chuyên ngành: - Công nghệ ô tô - Điện cơ ô tô - Công nghệ xe điện	401 402 403	A00, A01, C01, C02 C04, D01, X06, X07
2	7340301	Kế toán, gồm các chuyên ngành: - Kế toán doanh nghiệp - Kế toán kiểm toán	901 902	A00, A01, C01, C02; C03, C04, D01, D07
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng		A00, A01, C01, C02; C03, C04, D01, D07
4	7380107	Luật kinh tế		A00, A01, A09, C00 C19, C20, D01, D14
5	7310205	Quản lý nhà nước		A00, A01, C00, C03 C04, C14, D01, D14
6	7850103	Quản lý đất đai		A04, A06, A07, B02 C04, D10, X01, X21
7	7720115	Y học cổ truyền		A01, A05, B00, B02 B03, B04, D07, X10
8	7720201	Dược học		A00, A05, A11, B00, B02, B03, D07, X10
9	7720301	Điều dưỡng, gồm các chuyên ngành: - Điều dưỡng đa khoa - Gây mê hồi sức	111 112	A01, A05, B00, B02 B03, B04, D07, X10

TT	Mã ngành	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Mã chuyên ngành	Khối xét tuyển
10	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học		A01, A05, B00, B02 B03, B04, D07, X10
11	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		A01, A05, B00, B02 B03, B04, D07, X10
12	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc, gồm các chuyên ngành: - Tiếng Trung thương mại - Tiếng Trung du lịch và khách sạn - Tiếng Trung biên - phiên dịch	101 102 103	C00, D01, D04, D07, D09, D14, D15, D66
13	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc, gồm các chuyên ngành: - Tiếng Hàn thương mại - Tiếng Hàn du lịch và khách sạn - Tiếng Hàn biên - phiên dịch	301 302 303	D01, D07, D09, D10, D14, D15, C00, X78

### 3. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học.

### 4. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Thành Đông tuyển sinh hệ đại học chính quy theo 03 phương thức đảm bảo nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15 điểm đối với các ngành; 18 điểm đối với lĩnh vực pháp luật; 16.5 điểm đối với Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và 20 điểm đối với Y học cổ truyền, Dược học theo thang điểm 30 và bắt buộc môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026, cụ thể:

a) **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng và cấp học bổng toàn phần trong suốt khóa học cho học sinh đạt giải kỳ thi quốc gia và quốc tế

b) **Phương thức 2:** Xét theo học bạ THPT.

Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, có điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 các môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt 21.0 điểm trở lên, xếp loại học lực lớp 12 đạt loại Giỏi đối với ngành Luật, Luật kinh tế; đạt 22.5 điểm trở lên, xếp loại học lực lớp 12 đạt loại Giỏi đối với ngành Dược học, Y học cổ truyền; đạt 18.0 điểm trở lên, xếp loại học lực lớp 12 đạt loại Khá đối với ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học; đạt 18.0 điểm trở lên đối với các ngành còn lại.

Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ để miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định, xét điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của hai môn thuộc khối xét tuyển kết hợp với điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ.

c) **Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT thuộc tổ hợp xét tuyển theo ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường và Bộ Giáo dục & Đào tạo xét trúng tuyển từ thí sinh có điểm cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu cho từng ngành.

Đối với môn thi năng khiếu Vẽ thuộc ngành Thiết kế nội thất, thí sinh sử dụng kết quả thi do các trường đại học có tổ chức thi tuyển môn này để đăng ký xét tuyển.

#### 5. Hồ sơ tuyển sinh

- Hồ sơ học sinh, sinh viên 02 bộ (theo mẫu chung của Bộ GD&ĐT);
- Phiếu đăng ký xét tuyển;
- 02 Bản sao công chứng Học bạ THPT, Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026;
- 02 Bản sao công chứng Giấy khai sinh; Căn cước công dân;
- 02 Bản các giấy tờ chứng nhận đối tượng, khu vực ưu tiên trong tuyển sinh;
- 03 ảnh 3x4, 03 ảnh 2x3 (chụp không quá 06 tháng trở lại đây).

#### 6. Chế độ chính sách đối với sinh viên

- Nhà trường có 850 suất học bổng trị giá từ 22 - 100 triệu đồng/khóa học cho sinh viên thuộc các đối tượng sau:

- + Sinh viên có điểm trúng tuyển cao trong xét tuyển đầu vào;
- + Sinh viên thuộc các ngành ưu tiên;
- + Những sinh viên con thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; mồ côi cả cha và mẹ; mồ côi cha hoặc mẹ nhưng có hoàn cảnh gia đình khó khăn; thuộc diện gia đình hộ nghèo hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở những vùng thiên tai; cha mẹ mắc bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; thí sinh khuyết tật; sinh viên sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ (Quyết định 433/QĐ-UBND, 18/6/2021 và Quyết định số 353/QĐ-TTg, 15/3/2022) được miễn toàn bộ học phí trong suốt khóa học.

- Sinh viên học tại Trường được miễn phí chỗ ở ký túc xá (ký túc xá 9 tầng khép kín có máy điều hoà, bình nước nóng lạnh, nước uống, wifi miễn phí), sân bóng đá cỏ nhân tạo, khu thể thao đa năng trong suốt khóa học; sau khi tốt nghiệp được Nhà trường cam kết 100% sinh viên có việc làm.

- Sau khi học hết năm thứ ba, sinh viên được đi thực tập 01 năm tại Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc; được doanh nghiệp cấp học bổng và có cơ hội làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài.

#### 7. Thời gian nhận hồ sơ

- + Đợt 1: Từ ngày 06/3/2026 - 20/07/2026 đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước.
- + Đợt 2: Từ ngày 25/7/2026 - 15/9/2026.
- + Đợt 3: Từ ngày 16/9/2026 - 31/12/2026.

#### 8. Địa chỉ tư vấn và tiếp nhận hồ sơ

- Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, TP. Hải Phòng.
- Điện thoại: 02203 559 666. Hotline: 0987 759 668

#### Nơi nhận:

- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TS&TT.



PGS,TS. Lê Văn Hùng